TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/DS-PT
Ngày: 27-9-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Son**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Duy Lâm**

Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Nguyện**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Châu**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2018/QĐPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Võ Thị U, sinh năm 1964; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã H, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:*

- Chị Võ Thị H, sinh năm 1972; có mặt.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp L, xã H, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

3. Người kháng cáo: Bà Võ Thị U, ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Võ Thị U, ông Nguyễn Văn B và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Thanh Điền trình bày:

Vợ chồng bà Võ Thị U, ông Nguyễn Văn B cho vợ chồng chị H, anh Đ vay tiền 06 lần, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 16/4/2013 AL cho vay 10.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 16/5/2013 AL cho vay 20.000.000 đồng.

- Lần 03: Sau lần cho vay thứ nhất 03 tháng cho vay 10.000.000 đồng.

- Lần 04: Tháng 4 năm 2015 cho vay 30.000.000 đồng để con đi hợp tác lao động.

Các lần cho vay này đều thỏa thuận thời hạn cho vay 03 tháng, lãi suất 3%/tháng.

- Lần 05: Ngày 07/8/2015 Al, cho vay 11.000.000 đồng để tổ chức lễ cưới cho con; cho vay không có thời hạn, không tính lãi suất.

- Lần 06: Ngày 17/9/2015 AL cho vay 30.000.000 đồng do chị H nhờ vay dùm. Thời hạn cho vay 03 tháng, lãi suất 3%/tháng.

Ngày 17/02/2016 Al, hai bên có nhờ trưởng ấp Lương Văn Truột làm giấy cộng các khoản vay của 05 lần vay đầu số tiền 81.000.000 đồng. Riêng lần vay ngày 17/9/2015 AL số tiền 30.000.000 đồng thì không có cộng vào do đây là số tiền của người khác vay giùm cho chị H, anh Đ. Từ khi tổng kết nợ đến nay, bên bị đơn không trả tiền lãi và tiền gốc cho nguyên đơn.

Nay bà Võ Thị U, ông Nguyễn Văn B yêu cầu vợ chồng chị H, anh Đ trả tiền gốc tổng cộng 111.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 17/02/2016 Al đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện TB, bị đơn chị Võ Thị H trình bày:

Vợ chồng chị có vay của bà U, ông B vào năm 2013 ba lần số tiền 40.000.000 đồng, ngày 17/9/2015 AL vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Đến ngày 17/02/2016 Al hai bên có nhờ trưởng ấp Lương Văn Truột làm giấy cộng tất cả các khoản vay của bốn giấy nợ, trong đó tổng số nợ theo hai giấy nợ viết cùng vào một tờ giấy là 70.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 11.000.000 đồng do trả lãi không đủ cộng lại thành 81.000.000 đồng. Sau khi tổng kết có giấy nợ, vợ chồng chị đã trả 20.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng không có làm biên nhận trả

Nay chị đồng ý trả cho bà U, ông B số tiền gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật vì vợ chồng chị đã trả tiền lãi từ khi vay đến ngày 17/02/2016 AL với lãi suất 10%/tháng.

Trong các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện TB, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của vợ anh là chị H. Anh không trình bày bổ sung ý kiến gì khác. Nay anh đồng ý trả cho bà U, ông B số tiền gốc 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lại tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 17-7-2018 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ**.**

Buộc chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B số tiền gốc và lãi suất tổng cộng 59.053.000 (năm mươi chín triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B đòi chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ trả thêm tiền gốc và lãi suất tổng cộng 75.035.000 (bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/7/2018, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B, bà Võ Thị U có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án theo hướng chấp nhận số tiền vay 30.000.000 đồng ngày 17/9/2015 (al), yêu cầu không tính lại số tiền lãi từ ngày vay đến ngày rút nợ 17/02/2016 (al) vì bà không khởi kiện phần này và hai bên đã thực hiện trả lãi xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không cung cấp chứng cứ mới.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà U, ông B về khoản vay 30.000.000 đồng ngày 17/9/2015 (al) là chưa cộng vào giấy nợ ngày 17/02/2016 (al), sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đ, bà H trả cho bà U, ông B số nợ gốc là 111.000.000 đồng. Không chấp nhận kháng cáo của bà U, ông B về tính lại tiền lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị U, ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền vay 111.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ 17/02/2016 (al) cho đến khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chỉ chấp nhận nợ theo giấy đã gút nợ ngày 17/02/2016 (al).

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà U, ông B thấy rằng: Hai bên đương sự nhà chung ấp, có quen biết nhau. Nguyên đơn khai đã cho bị đơn vay 6 lần với tổng số tiền 111.000.000 đồng, cụ thể năm 2013 vay 3 lần 40.000.000 đồng, bị đơn chấp nhận có vay, đồng ý trả. Năm 2015 vay 3 lần: Tháng 4/2015 (al) vay 30.000.000 đồng, bị đơn không chấp nhận nên không đồng ý trả; ngày 07/8/2015 (al) vay 11.000.000 đồng, bị đơn không chấp nhận tiền vay, mà khai là tiền lãi chưa trả nên nguyên đơn cộng dồn nhưng đồng ý trả; ngày 17/9/2015 (al) vay 30.000.000 đồng, bị đơn chấp nhận có vay, đồng ý trả. Về lãi suất, hai bên đã thống nhất trả đến ngày 17/02/2016 (al), mức lãi suất hai bên khai khác nhau, bà U khai 3%/tháng, bà H khai 10%/tháng. Như vậy, hai bên khai cơ bản thống nhất nhau, chỉ khác về số tiền vay 30.000.000 đồng vay năm 2015 và mức lãi suất phải trả. Hai bên cũng thống nhất có nhờ ông Lương Văn Truột – là trưởng ấp ghi giùm giấy tính chung các khoản nợ thành giấy mượn tiền ngày 17/02/2016 (al) số tiền 81.000.000 đồng. Riêng bà U khai giấy nợ này chưa cộng tiền bà vay của ông Công ở ấp Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà U cho bà H vay lại theo giấy ngày 17/9/2015 (al) chưa cộng vào để đòi riêng.

[2.1] Xét thấy, tại lời khai của ông Võ Văn Công ngày 04/5/2018 (BL 63) và lời khai của bà U ngày 04/5/2018 (BL 62) đều thống nhất khai: Ông Công có cho bà U vay 30.000.000 đồng 17/5/2016 (al) đến ngày 17/9/2016 (al) trả vốn xong, nhưng tiền lãi hai bên khai khác nhau. Ông U khai nhận 03 lần lãi là 200.000 đồng, 150.000 đồng, 100.000 đồng, tổng cộng 450.000 đồng. Bà Cộng khai trả lãi 3 lần là 300.000 đồng, 300.000 đồng, 200.000 đồng, tổng cộng 800.000 đồng. Nên xác định đây là khoản tiền vay riêng giữa ông Công và bà U, không liên quan gì với tiền vay giữa bà U với bà H. Bà U khai chưa cộng vào giấy nợ 17/02/2016 (al) là không có căn cứ.

[2.2] Tại lời khai ngày 04/9/2018 (BL 70) của ông Lương Văn Truột – Trưởng ấp - người ghi giùm giấy nợ ngày 17/02/2016 (al) khai: ông có ghi giùm giấy nợ, còn tính nợ cụ thể như thế nào thì do bà U, bà H tự tính, yêu cầu ông ghi vào giấy.

[2.3] Xét giấy nợ ngày 17/9/2015 (al), là trước ngày tính nợ 17/02/2016 (al), theo nguyên tắc tính nợ là phải tính hết các khoản nợ vay, các giấy nợ đã vay. Giấy nợ 17/9/2015 (al), thời gian vay là 03 tháng, khi hết thời gian vay thì càng phải tính vào giấy tính nợ ngày 17/02/2016 (al) để làm cơ sở xem xét sau này. Theo bà H khai sau khi tính nợ, bà đã trả được 20.000.000 đồng nhưng không có biên nhận khi trả nợ và bà U cũng không thừa nhận. Nên lời khai của bà U cho rằng giấy nợ ngày 17/9/2015 (al) chưa cộng cho bà H vào giấy nợ 17/02/2016 (al) là không có căn cứ. Bà U khai có cho bà H vay 30.000.000 đồng vào tháng 4/2015 (al), bà H không thừa nhận, bà U cũng không xuất trình đươọc biên nhận, giấy nợ gì chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận nợ gốc theo bà H khai 81.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 17/02/2016 (al) do ông Lương Văn Truột ghi giùm là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bà U kháng cáo nhưng không cung cấp được căn cứ gì mới nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận bà H, ông Đ có trả lãi đầy đủ đến khi làm giấy nợ ngày 17/02/2016 (al), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, về số tiền lãi, bà U khai lãi 3%/tháng, bà H khai 10%/tháng, là có sự tranh chấp về lãi nên cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính và khấu trừ tiền lãi mà bà H đã trả cho bà U là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà U về phần này. Cấp sơ thẩm buộc bà H, ông Đ trả cho bà U, ông B tổng số tiền 59.053.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp nhận một phần kháng cáo của bà U, ông B, buộc bà H, ông Đ trả 111.000.000 đồng tiền gốc là không có căn cứ nên không chấp nhận. Chấp nhận giữ nguyên việc tính lãi. Do đó, cần chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà U, ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị U, ông Nguyễn Văn B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ**.**

Buộc chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B số tiền gốc và lãi suất tổng cộng 59.053.000 (năm mươi chín triệu không trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B đòi chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ trả thêm tiền gốc và lãi suất tổng cộng 75.035.000 (bảy mươi lăm triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Võ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 2.953.000 (hai triệu chín trăm năm mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B phải chịu 3.752.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà U, ông B đã nộp 3.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009496 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB. Bà Võ Thị U và ông Nguyễn Văn B phải nộp tiếp số tiền 502.000 (năm trăm lẽ hai nghìn) đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm**:** Ông Nguyễn Văn B, bà Võ Thị U phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016270 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông B, bà U đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện TB;
- Chi Cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Son